

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 09/3/2021.  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tường Vy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Lê Đức Dũng  
+ Bà Lại Thị Thúy Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Dương - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:**  
Ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 323/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 340 H16, ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ.

*(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2020 và bản tự khai, nguyên đơn là ông Trần Quốc T trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Đ chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng tới năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã X huyện C, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau; ông và bà Đ đã ly thân từ năm 2019 cho tới nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 05 người con chung là: Trần Nguyễn Thùy N, sinh năm 1990; Trần Nguyễn Thùy T1, sinh năm 1992; Trần Nguyễn Thị Thùy T2, sinh năm 1996; Trần Nguyễn Thị Tuyết T3, sinh năm 1999 và cháu Trần Nguyễn Thùy T4, sinh ngày: 08/02/2004. Do các chị N, T1, T2, T3 đã đủ 18 tuổi và có đủ khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu T4 thì ông yêu cầu giao cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*\* Trong quá trình làm việc, bà Nguyễn Thị Đ trình bày:* Bà thống nhất trình bày của ông T về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì bà cho rằng ông T ngoại tình nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý nhưng bà là người theo đạo thiên chúa nên không đồng ý ký vào các biên bản làm việc của Tòa án.

Về con chung: Vợ chồng có năm con chung như lời trình bày của ông T. Các con là N, T1, T2, T3 đã đủ 18 tuổi và có đủ khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Thùy T4, sinh ngày: 08/02/2004 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thụ lý, thu thập tài liệu, chứng cứ; xác định tư cách tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật đúng trình tự thủ tục theo quy định. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: xét thấy ý kiến của nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng hôn nhân có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và bị đơn cũng đồng ý ly hôn nhưng vì do bà Đ theo đạo nên không ký vào các biên bản làm việc. Vì quan hệ hôn nhân đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Đ. Về con chung: đối với các con đã trưởng thành không đặt ra xem xét. Còn cháu Trần Nguyễn Thùy T4, sinh ngày 08/02/2004 giao cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng theo ý kiến của đương sự. Ông T tạm thời không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do không ai có yêu cầu. Tài sản chung: không giải quyết; nợ chung: các đương sự khai không có nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Trần Quốc T có đơn ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ đang cư trú tại ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ đã được tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do; ông Trần Quốc Tuấn có đơn xin xét xử vắng mặt; nên căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C vào năm

2005 nên áp dụng Điều 9, 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T thì mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và tính tình không hợp nhau nên thường hay cãi vã nhau; vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Còn theo bà Đ thì do ông T ngoại tình nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn.

Xét thấy: Ông T và bà Đ đều xác định vợ chồng hiện có mâu thuẫn và không thể hàn gắn nên cả 2 cũng thống nhất việc ly hôn với nhau. Đồng thời, việc vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay đã thể hiện quan hệ hôn nhân của 2 hai đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, làm cho hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho ông T ly hôn với bà Đ.

[3] Về con chung: Ông T và bà Đ có 05 (năm) con chung là: chị Trần Nguyễn Thùy N, sinh năm 1990; Trần Nguyễn Thùy T1, sinh năm 1992; Trần Nguyễn Thùy T2, sinh năm 1996; Trần Nguyễn Thị Tuyết T3, sinh năm 1999 và cháu Trần Nguyễn Thị Thùy T4, sinh năm 2004. Do các chị N, T1, T2, T3 đã thành niên và có đủ khả năng lao động nên Tòa án giải quyết. Bà Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T4 và cháu T4 cũng có nguyện vọng ở với bà Đ nên chấp nhận cho bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T4 để đảm bảo cho sự phát triển mọi mặt của cháu.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí: Ông Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Quốc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Quốc T được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Thùy T4, sinh ngày 08/02/2004 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Tạm thời ông T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002021 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

6. Quyền kháng cáo: Ông T, bà Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Quế, Cẩm Mỹ (52/2005);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Tường Vy**